

Số: 40 /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của UBTVQH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 40 /2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 289/BC-HĐND ngày 06/12/2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 với các nội dung như sau:

1. Kế hoạch huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội kế hoạch năm 2021:

a) *Tổng vốn huy động:* Tổng vốn đầu tư toàn xã hội kế hoạch năm 2021 huy động khoảng 26.500 tỷ đồng, gồm nguồn vốn ngân sách Nhà nước 3.230 tỷ đồng

chiếm 12,2%; vốn FDI, vốn các thành phần kinh tế và dân cư 23.270 tỷ đồng, chiếm 87,8%.

b) Nguồn vốn:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 750 tỷ đồng, trong đó: Chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước 309,98 tỷ đồng, nguồn thu sử dụng đất 250 tỷ đồng, nguồn thu Xổ số kiến thiết 70 tỷ đồng, Đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương là 120,9 tỷ đồng;

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.195 tỷ đồng, trong đó: Vốn trong nước 722 tỷ đồng; vốn nước ngoài 473 tỷ đồng;

- Vốn các Bộ ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn: 1.035 tỷ đồng, trong đó: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông: 400 tỷ đồng; Bộ Giao thông vận tải: 600 tỷ đồng; các Bộ ngành khác: 35 tỷ đồng;

- Vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp nhà nước 250 tỷ đồng;

- Vốn FDI, các thành phần kinh tế khác và dân cư: 23.270 tỷ đồng, gồm: Vốn FDI và vốn các thành phần kinh tế khác 20.870 tỷ đồng và vốn dân cư 2.400 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 1,2 đính kèm)

2. Nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý kế hoạch giao đầu năm 2021:

a) Vốn ngân sách địa phương: Tổng vốn 750,88 tỷ đồng, trong đó : Chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước 309,98 tỷ đồng, nguồn thu sử dụng đất 250 tỷ đồng, nguồn thu Xổ số kiến thiết 70 tỷ đồng, Đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương là 120,9 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 3 đính kèm)*.

b) Vốn ngân sách Trung ương trong nước: 533,060 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 4 đính kèm)*.

c) Vốn nước ngoài: 473,486 tỷ đồng *(Chi tiết theo phụ lục số 5 đính kèm)*.

3. Dự kiến danh mục công trình trọng điểm nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2021: Có 4 công trình, trong đó 3 công trình đẩy nhanh tiến độ và 1 công trình khởi công mới, gồm:

- Công trình đẩy nhanh tiến độ 3 công trình, gồm: Hồ chứa nước Sông Than; Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; Đường đôi vào hai đầu thành phố (đoạn phía nam).

- Công trình khởi công mới 1 công trình: Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu.

(Chi tiết theo phụ lục số 6 đính kèm).

4. UBND tỉnh có trách nhiệm:

- Đối với kế hoạch vốn ngân sách địa phương chưa phân bổ chi tiết cho từng danh mục dự án, gồm: Chuẩn bị đầu tư; Bù hụt thu năm 2020, thanh toán công trình hoàn thành khi có quyết toán, Vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia. UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phân bổ thực hiện.

- Đối với vốn nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương bổ sung trong năm của các cấp có thẩm quyền, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất phân bổ chi tiết trước khi triển khai thực hiện.

- Đối với nguồn thu từ tiền thu sử dụng đất, Xổ số kiến thiết thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương kế hoạch năm 2021, UBND tỉnh phân bổ từng dự án tương ứng với từng loại nguồn vốn cụ thể để có cơ sở thực hiện giải ngân theo quy định của Bộ Tài chính; báo cáo kết quả phân bổ cho Thường trực HĐND tỉnh để triển khai thực hiện giám sát theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cho HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2021.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Ủy ban TC-NS Quốc Hội ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh Ủy ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- Trang TTĐTHĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2020		Kế hoạch năm 2021	So sánh		Ghi chú
		KH năm 2020	Ước TH năm 2020		UTH 2020/KH 2020	KH 2021/UTH 2020	
1	2	3	4	5	6=4/3	7=5/3	8
	TỔNG SỐ	23.500	25.760	26.500	110%	102,9%	
A	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	3.870	3.460	3.230	89%	93,4%	
I	VỐN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	2.690	1.870	2.195	70%	117,4%	
a	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	929	813	1.000	88%	123,0%	
1	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	828,0	612	750	74%	122,5%	
2	Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN	0,8	0,8		100%	0,0%	
3	Vốn doanh nghiệp nhà nước	100	200	250	200%	125,0%	
4	Vốn kết dư, tăng thu ngân sách						
b	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.761	1.057	1.195	60%	113,1%	
1	Vốn Chương trình mục tiêu	1.256,0	868,0	1.006	69%	115,9%	
	+ Vốn trong nước	626,0	626,0	533	100%	85,1%	
	+ Vốn ngoài nước	630,0	242,0	473	38%	195,5%	
2	Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia	189	189	189	100%	100,0%	
3	Vốn Trái phiếu Chính phủ	316					
	Giao thông						
	Thủy lợi	316					
	Giáo dục						
II	VỐN CÁC BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ	1.180	1.590	1.035	135%	65,1%	
1	Bộ Nông nghiệp và PTNT	1.050	1.440	400	137%	27,8%	
2	Bộ Giao thông vận tải	100	120	600	120%	500,0%	
3	Bộ, ngành khác	30	30	35	100%	116,7%	
B	VỐN CÁC THÀNH PHẦN KT VÀ VỐN KHÁC	19.630	22.300	23.270	114%	104,3%	
1	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các thành phần kinh tế khác	16.330	20.000	20.870	122%	104,4%	
a	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	4.100	2.300	2.500	56%	108,7%	
b	Vốn các thành phần KT	12.230	17.700	18.370	145%	103,8%	
2	Vốn Dân cư	3.300	2.300	2.400	70%	104,3%	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN DO TỈNH QUYẾT ĐỊNH DANH MỤC VÀ
MỨC VỐN CỤ THỂ THEO QUY ĐỊNH GIAO ĐẦU NĂM
KẾ HOẠCH NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 450 /NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	KH đầu năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.757.426	
1	Vốn ngân sách địa phương	750.880	
	- Chi XD CB vốn tập trung trong nước	309.980	
	- Thu tiền SD đất	250.000	
	- Xổ số kiến thiết	70.000	
	- Bội chi ngân sách địa phương	120.900	
2	Vốn Ngân sách Trung ương	1.006.546	
a	Vốn trong nước	533.060	
b	Vốn nước ngoài	473.486	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Kế hoạch trung hạn 16-20 (vốn NSDP)	Tổng vốn đã bố trí		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020		
	Cân đối NSDP			2.416.642	2.392.524	828.937	750.880	
	- Vốn TW cân đối			1.490.642	1.556.477	347.737	309.980	
	- Thu tiền sử dụng đất			573.000	476.047	200.000	250.000	Tổng kế hoạch thu tiền đất năm 2021 là 250 tỷ đồng, trong đó Cấp tỉnh 103,5 tỷ đồng, cấp huyện 146,5 tỷ đồng. Đối với thu tiền đất cấp huyện do UBND huyện phân bổ chi tiết
	- Thu XSKT			353.000	360.000	75.000	70.000	
	- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					206.200	120.900	
	Phân bổ chi tiết như sau:							
I	THANH TOÁN CT HOÀN THÀNH				130.464		8.900	KH năm 2021 bố trí 90% TMĐT
1	Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai trường mẫu giáo Công Hải, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc	Chi cục Thủy lợi	7.374	3.100	5.100	1.100	1.500	
4	Khắc phục sạt lở bờ sông đoạn sau lưng Miếu Năm Bà, thôn Ninh Quý 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước	UBND huyện Ninh Phước	14.900	14.900	12.700	6.700	700	
5	Xây dựng các hạng mục Trường THPT Phạm Văn Đồng, huyện Ninh Phước	BQLDA Đầu tư xây dựng các CT dân dụng và công nghiệp	12.800	12800	10.900	2.600	600	
6	Xây dựng các hạng mục Trường THPT Ninh Hải, huyện Ninh Hải	BQLDA Đầu tư xây dựng các CT dân dụng và công nghiệp	11.800	11800	10.000	2.300	600	
7	Nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết bị truyền hình thực hiện lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	11.000	10000	9.300	4.800	600	
8	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	97.040	87000	82.464	18.500	4.900	

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	TMDT (theo các nguồn vốn)	Kế hoạch trung hạn 16-20 (vốn NSDP)	Tổng vốn đã bố trí		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020		
II	PHÂN CẤP VÀ HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, TP			683.000	769.000	203.500	239.500	Trong đó có đối ứng 30% Chương trình MTQG Nông thôn mới 37.400 trtd
<i>1</i>	<i>Phân cấp</i>			<i>410.000</i>	<i>541.000</i>	<i>139.000</i>	<i>239.500</i>	
<i>a</i>	<i>- Vốn Trung ương cân đối</i>						<i>93.000</i>	<i>30% vốn TW cân đối</i>
	Thành phố PRTC						12.458	tỷ lệ 13,4%
	Huyện Ninh Sơn						14.279	tỷ lệ 15,35%
	Huyện Ninh Phước						13.829	tỷ lệ 14,87%
	Huyện Thuận Nam						13.477	tỷ lệ 14,49%
	Huyện Ninh Hải						12.592	tỷ lệ 13,54%
	Huyện Thuận Bắc						12.844	tỷ lệ 13,81%
	Huyện Bác ái						13.521	tỷ lệ 14,54%
<i>b</i>	<i>- Thu tiền sử dụng đất</i>						<i>146.500</i>	
	Thành phố PRTC						50.000	
	Huyện Ninh Sơn						20.000	
	Huyện Ninh Phước						32.000	
	Huyện Thuận Nam						10.000	
	Huyện Ninh Hải						30.000	
	Huyện Thuận Bắc						4.000	
	Huyện Bác ái						500	
III	LẬP, THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 VÀ CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH KHÁC			61.000	41.000	40.000	34.000	
	- Quy hoạch tỉnh						20.000	TMDT 61 tỷ, đã bố trí 40,490 tỷ, còn thiếu 20,510 tỷ đồng
	- Quy hoạch sử dụng đất						14.000	- QH sử dụng đất. Bố trí bình quân 2 tỷ/huyện: 14 tỷ đồng
IV	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			80.000	58.818	15.000	15.000	KH năm 2021 bằng KH 2020
V	HỖ TRỢ QPAN			174.000	174.000	63.500	51.000	
<i>1</i>	BCH Quân sự tỉnh	BCH Quân sự tỉnh		104.000	104.000	33.000	23.000	
	<i>Trong đó:</i>							
	Nhà khách BCH Quân sự tỉnh		19.859			7.000	7.500	Chuyển tiếp
	Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Thuận Bắc						5.500	Chuyển tiếp

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Kế hoạch trung hạn 16-20 (vốn NSĐP)	Tổng vốn đã bố trí		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020		
	Đền bù dự án Doanh trại cơ quan BCH Quân sự tỉnh						10.000	
2	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh		30.000	30.000	15.000	15.000	
	<i>Trong đó:</i>							
	Doanh trại sở chỉ huy biên phòng tỉnh		139.400				15.000	
3	Công an tỉnh	Công an tỉnh		40.000	40.000	15.500	13.000	
	<i>Chuyển tiếp</i>							
	- Nhà tàng thư		13.933			2.163	6.000	
	<i>Khởi công mới</i>							
	- Cảnh sát cơ động và trung tâm huấn luyện nuôi nhốt chó nghiệp vụ		11.500				4.000	
	- Hệ thống kho tổng hợp và nhà tạm giữ phương tiện vi phạm ATGT		5.600				3.000	
VI	HỖ TRỢ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT			57.000	50.000	20.000	10.000	10% thu tiền đất cấp tỉnh (103,5 tỷ)
VII	HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN			5.000	5.000	5.000	5.000	KH năm 2021 bằng KH 2020
VIII	ĐỐI ỨNG ODA				28.150		24.924	- Thành toán CT hoàn thành bố trí 90% TMĐT phân đối ứng, - Hoàn thành năm 2021 bố trí 80% TMĐT phân đối ứng
1	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	51.034	4.000	20.400	10.000	18.000	Hoàn thành năm 2021
2	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	20.286	14.200	7.750	5.400	6.924	Hoàn thành năm 2021
IX	ĐỐI ỨNG VỐN NSTW						15.000	
	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	1.490.000				15.000	Đền bù

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Kế hoạch trung hạn 16-20 (vốn NSDP)	Tổng vốn đã bố trí		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
					Tổng số	Trung đó: KH 2020			
X	ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG						3.900	83.000	
	- Nông thôn mới							70.000	Đối ứng 100% tương đương 124,590 tỷ đồng, trong đó: - Ngân sách tỉnh đối ứng 70% tương đương 87,213 tỷ đồng, bố trí trực tiếp cho 6 công trình/16,255 tỷ, còn lại 70,958 tỷ đồng. - Ngân sách huyện đối ứng 30%, tương đương 37,377 tỷ đồng
	- Giảm nghèo							6.500	Đối ứng 10%, tương đương 6,5 tỷ đồng (64,929 tỷ đồngx10%),
	- Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							6.500	Bảng Chương trình giảm nghèo
XI	BÙ HỤT THU NĂM 2020, THANH TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH KHI CÓ QUYẾT TOÁN							70.956	
	- Bổ hực thu tiền đất năm 2020							63.000	
	- Thanh toán công trình hoàn thành khi có QT							7.956	Hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ Hồ chứa nước Lanh ra, Trường TC nghề
XII	THỰC HIỆN DỰ ÁN							72.700	
a	<i>Chuyển tiếp</i>							62.200	Hoàn thành năm 2021 bố trí 85% TMĐT
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện chuyên khoa Da liễu - Tâm thần tỉnh	Sở Y tế	5.000	3.164	3.164	3.164	1.100		
2	Cải tạo và sửa chữa Bệnh viện Lao và bệnh phổi tinh	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tinh	2.500	1.700	1.700	1.700	425		
3	Thư viện tỉnh	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	43.952	27.000	31.000	13.500	6.300		
4	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn - cơ sở 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	197.280	58.800	123.881	17.881	40.000		

STT	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	TMĐT (theo các nguồn vốn)	Kế hoạch trung hạn 16-20 (vốn NSDP)	Tổng vốn đã bố trí		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
					Tổng số	Trung đó: KH 2020		
5	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	80.000	30.000	21.000	9.000	4.500	
6	Đường Ma Nối - Tà Nôi	UBND huyện Ninh Sơn	19.418	19.000	13.500	6.500	3.000	
7	Khu nhà làm việc của giảng viên Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị	8.333	2.500	2.500	2.500	4.500	
8	Trường Liên cấp THCS, THPT huyện Bác Ái (hạng mục khối hành chính quản trị, nhà bếp + nhà ăn học sinh)	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.711	1.256	1.200	1.200	1.955	
9	Xây dựng nhà vòm bảo vệ và bể bơi cho học sinh phòng chống đuối nước Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thành phố PRTC	Chi cục Thủy lợi	1.200		600		420	
b	Khởi công mới		4.900	-	438.029		10.500	
1	Công trình phòng chống thiên tai (18 cột thu lôi)	Chi cục Thủy lợi	11.574	-	-	-	10.500	Hoàn thành năm 2021, Bố trí 90% TMĐT
XIII	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				206.200	206.200	120.900	Tính đăng ký kế hoạch 2021 là 121,068 tỷ đồng/8 dự án, trong đó công trình chuyển tiếp 99,161 tỷ đồng/5 dự án, khởi công mới 12,907 tỷ đồng/3 dự án hiện chưa ký kết Hiệp định. - Tổng vốn kế hoạch 2021 Bộ thông báo 120,9 tỷ đồng, bố trí cho 5 dự án chuyển tiếp, trong đó 4 dự án/30,161 tỷ đồng đủ số vốn tính đăng ký Bộ Tài chính, còn lại 90,737 tỷ đồng bố trí cho dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang Tháp Chàm.
1	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	498.531		190.000	190.000	82.496	
2	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB3)	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	24.623		3.000	3.000	11.000	
3	Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	12.165		3.150	3.150	3.000	
4	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	259.030		9.750	9.750	20.404	
5	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở	Sở Y tế	7.228		300	300	4.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 100 /NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
		TMĐT			Tổng số (vốn trong nước)	Trong đó: vốn NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			NSTW (trong nước)	Vốn nước ngoài					
A	VỐN NSTW TRONG NƯỚC	17.172.176	12.729.230	2.888.727	2.237.552	1.865.160	533.060		
I	Chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	7.416.187	3.179.503	2.888.727	2.225.635	1.863.843	261.060		
a	Thanh toán công trình hoàn thành	3.422.709	2.074.752		1.815.628	1.602.843	77.400	Dự án có TMĐT phần vốn NSTW dưới 200 tỷ đồng, bố trí 90% TMĐT phần NSTW; Dự án có TMĐT phần vốn NSTW trên 200 tỷ đồng, bố trí 85% TMĐT phần NSTW nhưng không vượt quá nhu cầu còn lại của dự án	
1	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)	BQL dự án JICA2 tỉnh Ninh Thuận (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	164.516	22.156		14.956	14.956	3.400	
2	Hồ chứa nước Sông Than	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	855.000	855.000		855.000	666.860	68.000	

	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT		Tổng số (vốn trong nước)	Trong đó: vốn NSTW			
			NSTW (trong nước)	Vốn nước ngoài					
3	Dự án rà phá bom mìn vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh	BCH Quân sự tỉnh	33.355	30.000		24.000	24.000	6.000	
b	Dự án chuyển tiếp		3.993.478	1.104.751	2.888.727	410.007	261.000	183.660	
	<i>Chuyển tiếp hoàn thành năm 2022</i>		<i>1.041.837</i>	<i>643.610</i>	<i>398.227</i>	<i>289.706</i>	<i>261.000</i>	<i>117.560</i>	Có TMĐT trên 200 tỷ Bố trí 65% TMĐT phần NSTW, dưới 200 tỷ bố trí 70% TMĐT
4	Đường đôi vào 2 đầu thành phố (đoạn phía Nam)	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	503.874	503.874		261.000	261.000	66.000	
5	Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	189.098	19.968	169.130	10.000		4.000	
6	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	94.565	10.000	84.565	5.200		2.000	
7	Hồ chứa nước Kiên Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	254.300	109.768	144.532	13.506		45.560	
	Hoàn thành năm 2023		2.113.529	310.498	1.803.031	112.301	-	44.100	bố trí 50% TMĐT phần đối ứng

Handwritten signature

	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
		TMĐT			Tổng số (vốn trong nước)	Trong đó: vốn NSTW			
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
			NSTW (trong nước)	Vốn nước ngoài					
8	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần Ninh Thuận	Sở Y tế	91.829	19.548	72.281		9.700		
9	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2.021.700	290.950	1.730.750	112.301	34.400		
	Hoàn thành năm 2025		838.112	150.643	687.469	8.000	-	22.000	bổ trí 20% TMĐT phần đối ứng NSTW
10	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	838.112	150.643	687.469	8.000	22.000		
II	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025		9.755.989	9.549.727	0	11.917	1.317	272.000	TMĐT phần NSTW: - Đến 60 tỷ bố trí 40% TMĐT phần NSTW, - Trên 60-100 tỷ bố trí 25% TMĐT, - Trên 100-200 tỷ bố trí 20% TMĐT, từ 200-300 tỷ bố trí 15% TMĐT, - Trên 300 tỷ bố trí 10% TMĐT,
1	Đường Văn Lâm - Sơn Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	372.197	372.197		1.317	1.317	37.000	Theo NQ 115

	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
		TMĐT			Tổng số (vốn trong nước)	Trong đó: vốn NSTW		
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			NSTW (trong nước)	Vốn nước ngoài				
2	Đường vành đai phía Bắc (đoạn từ đèo Khánh Nhơn đi Quốc lộ 1 A)	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	950.000	950.000			90.000	Theo NQ 115
3	Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biều	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	517.446	517.446			52.000	Theo NQ 115
4	Hạ tầng Công nghiệp Quảng Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	80.000	50.000			20.000	Đã đền bù
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	109.879	56.600	10.600		23.000	Đã đền bù
6	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng (đường tỉnh đoạn nối dài QL 27B với QL27 đến Lâm Đồng)	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	1.490.000	1.390.000			50.000	



KẾ HOẠCH VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020						Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
				TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó							
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Quy đổi ra tiền Việt)				
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số			Trong đó: vốn NSTW	Quy đổi ra tiền Việt					
							Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW					Vay lại	Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW			
TỔNG SỐ				4.096.565	627.907	123.477	3.468.659	3.202.837	265.822	895.179	181.880	11.134	697.124	630.722	473.486			
Hoàn thành năm 2021				456.324	52.498	-	403.827	376.248	27.579	305.560	29.428	11.134	276.132	257.784	118.100			
1	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2493/QĐ-UBND 17/10/2016	230.846	20.286		210.560	192.600	17.960	131.640	7.750		123.890	110.292	82.000			
2	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh (WB8) tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	83/QĐ-UBND 18/01/2019	77.955	13.828		64.128	54.509	9.619	48.323	6.500		41.823	37.073	17.400			
3	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)	BQL dự án JICA2 tỉnh Ninh Thuận (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	1291 21/6/2013	147.523	18.384		129.139	129.139		125.597	15.178	11.134	110.419	110.419	18.700			
Hoàn thành năm 2022				966.088	210.550	51.034	755.538	748.224	7.314	378.733	42.561	0	319.997	319.697	230.386			
4	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - dự án thành phần Ninh Thuận	Sở Y tế	491/QĐ-UBND 01/4/2019	92.920	19.780		73.140	65.826	7.314	26.475			10.300	10.000	30.000			
5	Hệ thống thủy lâm kết hợp đề phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước và Thuận Nam	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1770/QĐ-UBND 29/10/2018 1534/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	111.669	19.968		91.701	91.701		7.834	4.652	0	3.182	3.182	52.000			
6	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1769/QĐ-UBND 22/11/2018 1454/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	94.565	10.000		84.565	84.565		47.337	2.964	0	44.373	44.373	15.000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư							Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020					Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
			Số quyết định	TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Quy đổi ra tiền Việt)				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: đưa vào cân đối NSTW			
								Đưa vào cân đối NSTW									Vay lại
7	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - Tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	564 31/3/2017	412.634	51.034	51.034	361.600	361.600		182.837	25.400		157.437	157.437	123.386		
8	Hệ thống Hồ chứa nước Kiên Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1771/QĐ-UBND 29/10/2018	254.300	109.768		144.532	144.532		114.250	9.545	0	104.705	104.705	10.000		
Hoàn thành sau năm 2022				2.674.153	364.859	72.443	2.309.294	2.078.365	230.929	210.886	109.891	-	100.995	53.241	125.000		
9	Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	2989a 30/11/2016 10/QĐ-UBND 03/01/2018	1.962.367	284.367		1.678.000	1.510.200	167.800	193.136	101.891		91.245	53.241	100.000		
10	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1154/QĐ-UBND 10/7/2018	711.786	80.492	72.443	631.294	568.165	63.129	17.750	8.000		9.750	0	25.000		

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM NĂM 2021**(Kèm theo Nghị quyết số ~~100~~ /NQ-HĐND ngày 10 /12/2020 của HĐND tỉnh)

Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Công trình đẩy nhanh tiến độ		
1	Hồ chứa nước Sông Than	BQL dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
2	Dự án Môi trường Bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	
3	Đường đôi vào hai đầu thành phố (đoạn phía nam)	BQL dự án đầu tư XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
	Công trình khởi công mới		
4	Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biêu	BQL dự án đầu tư XD các công trình Nông nghiệp và PTNT	